

# **HỆ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI VIỆT NAM: NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**Võ Văn Thắng\***  
**Nguyễn Trung Hiếu\*\***

*Tóm tắt: Tương trợ xã hội góp phần to lớn kiến tạo cộng đồng, kiến tạo xã hội. Hoạt động này càng bức thiết đối với một quốc gia chưa phát triển, đời sống người dân còn khó khăn hay do chiến tranh, dịch bệnh,... Đồng bằng sông Cửu Long, trong tiến trình lịch sử, hoạt động tương trợ xã hội đóng vai trò rất lớn trong các nguồn lực phát triển, ổn định đời sống vật chất lẫn tinh thần của người dân. Ngoài ra, hoạt động tương trợ xã hội còn thể hiện nổi bật hệ giá trị con người ở đồng bằng sông Cửu Long trong tiến trình xây dựng, phát triển vùng đất này nói riêng và đất nước nói chung. Chính vì tầm quan trọng đó, ở bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về hệ giá trị con người Việt Nam thể hiện qua các hoạt động tương trợ xã hội như một nét văn hóa đặc thù của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.*

*Từ khóa: Con người Việt Nam, đồng bằng sông Cửu Long, hệ giá trị, tương trợ xã hội.*

## **1. Tương trợ xã hội và mối quan hệ với hệ giá trị con người Việt Nam**

1.1. Hiện tại, chúng tôi chưa tìm thấy định nghĩa hay khái niệm “tương trợ xã hội” (TTXH) từ một tài liệu chính thống nào mà chỉ thấy thuật ngữ tương cận với khái niệm này như “trợ giúp xã hội”, “trợ cấp xã hội” (Nghị định số: 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ). Nhưng “trợ giúp xã hội”, “trợ cấp xã hội” được sử dụng mang tính hành chính, chỉ hoạt động trợ giúp của nhà nước đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, chưa làm nổi bật mối quan hệ giữa hai chủ thể, đó là người nhận và người thực hiện hoạt động tương trợ. Chẳng hạn, một cán bộ trao số tiền “trợ giúp xã hội” của nhà nước cho

người khó khăn như một nghĩa vụ mang tính hành chính; hoặc người dân đến cơ quan nhà nước nhận “trợ cấp xã hội” theo trình tự thủ tục hành chính. Trong trường hợp đó, hoạt động này ít hoặc chưa có sự đồng cảm, chia sẻ,... như người dân thực hiện hoạt động TTXH.

*Tương trợ xã hội* hiểu một cách đơn giản là những hoạt động của một người hoặc nhiều người giúp đỡ người khác khi họ gặp hoàn cảnh khó khăn trong một thời điểm nào đó, thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ những khó khăn, mất mát,... Hoặc họ thực hiện tương trợ xã hội liên tục, thời gian dài, có khi cả đời người, trở thành phương châm sống của họ. Những hoạt động TTXH của cá nhân, nhóm người dần lan tỏa ra cộng đồng, mang tính phổ biến của một địa phương dần trở thành đặc điểm nhận diện của vùng đất và con người nơi đó. Theo thời gian, các hoạt

\* PGS.TS. Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* TS. Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

động tương trợ xã hội không giảm đi mà còn phát triển cả về qui mô và số lượng góp phần rất lớn cho phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở một địa phương. Hoạt động tương trợ xã hội này, còn được gọi với những cái tên rất bình dân như: “làm từ thiện”, “làm phước”, “từ thiện xã hội”,...

*Từ thiện xã hội* - tương trợ xã hội không đơn thuần là trao tặng vật chất hoặc ra sức giúp đỡ người khác bằng vật chất mà bản chất của hoạt động này thể hiện ở sự thấu cảm sâu sắc giữa người với người, con người với xã hội. Chính sự thấu cảm sâu sắc trong con người và cộng đồng mà nó đã trở thành *giá trị sống* của con người và cộng đồng, thôi thúc chủ thể tiếp tục thực hiện hoạt động đó. Từ hoạt động tương trợ của cá nhân và nhóm người tạo thành giá trị đạo đức - lễ sống, trở thành hệ giá trị - lễ sống của cộng đồng và toàn xã hội. Chính điều này mà khi nghiên cứu về văn hóa của một vùng đất, đề cập đến con người, người ta thường dựa trên phương diện quan trọng nhất là tính cách để đánh giá. Điều này có tính định tính, nhưng nó hoàn toàn có căn cứ, vì tính phổ biến của tính cách con người ở vùng đất đó thể hiện qua các hoạt động xã hội như một hiện tượng xã hội. Trong đó, khi nghiên cứu về tính cách người Việt ở vùng Tây Nam Bộ, nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng, người Việt ở vùng đất này có tính cách phóng khoáng, bao dung, trọng nghĩa, trọng tình,... hoàn toàn có cơ sở (xem thêm: Sơn Nam, 2005; Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2013), nếu xét theo khía cạnh lịch sử xã hội của vùng đất biểu hiện qua hoạt động tương trợ xã hội.

Từ những bàn luận trên đây, chúng tôi cho rằng, *tương trợ xã hội là hoạt động giúp đỡ con người và xã hội của cá nhân, gia đình và nhóm người; hoặc thực hiện công việc nào đó có ích cho con người và xã hội trong thời điểm nhất định hay lâu dài. Hoạt động tương trợ xã hội thể hiện sự đồng cảm, yêu thương, chia sẻ giữa người với người và với xã hội.* Các hoạt động đó thể hiện tính cách, giá trị đạo đức của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Những tính cách - giá trị đạo đức này ảnh hưởng đến tâm lý-nhận thức của cộng đồng và hình thành giá trị phổ quát của cộng đồng, xã hội.

1.2. Theo nghiên cứu và quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy, chủ thể trong các hoạt động tương trợ xã hội cũng như sự tồn tại bền vững của những hoạt động tương trợ xã hội ở cả nước nói chung, của người dân đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ với hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị gia đình. Nói cách khác, các hoạt động tương trợ xã hội là thành tố quan trọng trong các hệ giá trị đó, “thuộc về” các hệ giá trị đó. Việc xác định nội hàm và ngoại diên của hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị văn hóa hay hệ giá trị gia đình đã được nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra, đúc kết (xem thêm: Phạm Minh Hạc và Thái Duy Tuyên chủ biên, 2012; Trần Ngọc Thêm, 2021). Cụ thể như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh rằng: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị, chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá

trị thời đại: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc” (Dẫn theo Nguyễn Trọng Nghĩa, 2022). Quan điểm về con người Việt Nam cũng được khẳng định trong *Văn kiện đại hội XI của Đảng*, cụ thể trong *Cương lĩnh đại hội* đề cập: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển... Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình” (Văn kiện đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam).

Trên cơ sở những giá trị đó của con người Việt Nam, rõ ràng là, những hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL trong quá trình xây dựng, phát triển xã hội đã vun đắp cho hệ giá trị con người Việt Nam; đồng thời, hệ giá trị con người Việt Nam đã khắc sâu trong gia đình người dân ĐBSCL. Và quá trình xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hay hệ giá trị văn hóa Việt Nam đã có nền tảng xã hội quan trọng, vững chắc. Người dân ĐBSCL với tinh thần tương thân, tương

ái,... đã trở thành căn tính của tính cách, làm cho hệ giá trị con người Việt Nam, giá trị văn hóa gia đình Việt Nam thêm bền vững, lan tỏa (thực tế đã lan tỏa) ra nhiều vùng miền, mang bản sắc văn hóa con người vùng Tây Nam Bộ trong hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam.

Như vậy, khi nói đến hệ giá trị con người Việt Nam là nói đến tinh thần yêu thương, đoàn kết, nghĩa tình, giúp đỡ người khác,... Những giá trị này vốn tồn tại sâu đậm, bền chặt trong đời sống người dân ĐBSCL một cách xuyên suốt, trở thành thước đo giá trị, bản sắc văn hóa về tính cách con người ở vùng đất này. Từ đó cho thấy, việc xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ mới có mối quan hệ khăng khít với các hoạt động tương trợ xã hội. Nói cách khác, hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL là quá trình cụ thể hóa việc triển khai xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam. Bởi vì, cho dù chúng ta có xây dựng hay khẳng định hệ giá trị con người Việt Nam với hệ thống lý luận hay chính sách kiến tạo, phát triển thế nào đi chăng nữa thì cái cốt lõi nhất là phải hiện thực hóa trong đời sống xã hội, con người phải được “thụ hưởng” từ hệ giá trị và chính sách đó. Do vậy, các hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL là minh chứng của sự hiện thực hóa hệ giá trị và chính sách, góp phần rất lớn cho sự phát triển. Những cá nhân, gia đình, nhóm cộng đồng,... tổ chức các hoạt động tương trợ xã hội ở ĐBSCL đã hình thành, kiến tạo đời sống người dân ĐBSCL từ bao đời nay, kiến tạo hệ giá trị con người Việt Nam.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đó, chúng ta có thể khẳng định, hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam,... là một cách lý thuyết hóa, hệ

thống hóa quan điểm từ hiện thực xã hội. Trong bức tranh hiện thực đó, các hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL có thể được xem là hình mẫu cho quá trình triển khai, vận dụng và phát huy hệ giá trị; qua đó, góp phần minh chứng cho hệ thống quan điểm về hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị văn hóa Việt Nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam có thêm cơ sở, bền vững và hiện thực.

## 2. Cơ sở hình thành hoạt động tương trợ xã hội mang tính đặc thù ở vùng ĐBSCL

Có thể nói rằng, tương trợ xã hội tồn tại ở tất cả vùng miền, đó là truyền thống trong thân, tương ái của dân tộc Việt Nam. Mặc dù vậy, ở các vùng miền khác nhau, thang độ của tương trợ xã hội có khác nhau, có nơi đậm, nơi nhạt, có nơi trở hành nét độc đáo riêng mình. Do đó, khi nói đến tính cách con người ở các vùng miền riêng biệt, thường dựa trên các khía cạnh khác để hình thành tính cách, chứ chưa hẳn dựa vào hoạt động tương trợ xã hội, cụ thể như chúng ta thường nói: tính cách người Thanh Hóa, tính cách người Hà Nội, tính cách người Huế,... Bởi vì, theo suy nghĩ của nhiều người, hoạt động tương trợ xã hội ở những vùng đất đó chưa nổi trội hơn các biểu hiện văn hóa khác trong việc nhận định tính cách. Nhưng, khi nhắc đến vùng Tây Nam Bộ, nhiều nghiên cứu đều thừa nhận rằng, con người nơi đây có tính cách phóng khoáng, nghĩa tình, hào hiệp,... thông qua các hoạt động tương trợ xã hội. Đánh giá này không phải nhìn ở lát cắt, hiện tượng riêng lẻ rời định vị bản chất toàn thể xã hội vùng miền, mà các tác giả luôn nhìn ở chiều dài lịch sử xã hội. Từ đó, tương trợ xã hội được xem là nét nổi bật/đặc thù

trong tính cách của người dân vùng đất này. Trong công trình nghiên cứu *Tính cách người Việt ở các vùng, miền, địa phương*, tác giả Nguyễn Văn Chiến cho rằng: “Tính trọng nghĩa khí là một trong những nét tính cách Nam Bộ rõ rệt (...), trong đó, khuôn phép hành xử hợp lẽ nhất phải là hành xử theo tinh thần nghĩa khí - giúp đỡ nhau khi hoạn nạn vì lý tưởng mưu sinh” (Nguyễn Văn Chiến, 2016, tr. 353). Tương tự như vậy, trong công trình nghiên cứu công phu *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* của Trần Ngọc Thêm cũng đánh giá: “Tính hào hiệp sẵn sàng chia sẻ ấy của người dân Tây Nam Bộ đã trở thành một *truyền thống mạnh đến mức tính hào hiệp trở thành bản chất* (tác giả bài viết nhấn mạnh), thể hiện ở mọi lúc mọi nơi, từ việc lớn đến việc nhỏ” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2013, tr. 697). Trong sự so sánh biểu hiện của tính cách người Việt vùng Tây Nam Bộ ở chiều lịch đại và khảo sát đồng đại (bằng phiếu khảo sát), Trần Ngọc Thêm mạnh dạn khẳng định, *tinh thần trọng nghĩa của người Việt vùng Tây Nam Bộ*: “Với tư cách là một đặc trưng tính cách văn hóa hàng đầu, tinh thần trọng nghĩa đến tận ngày hôm nay vẫn còn được giữ nguyên giá trị của nó trong lòng mỗi con người vùng Tây Nam Bộ” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2013, tr. 702).

Như chúng tôi đề cập, tương trợ xã hội tồn tại trong tất cả các vùng miền, nhưng sở dĩ trở thành đặc thù trong tính cách của người dân ĐBSCL là vì thang độ xuất hiện của hoạt động này rất cao, phổ biến, liên tục, suốt chiều dài lịch sử khai phá vùng đất ĐBSCL đến ngày nay. Và trong giai đoạn hiện nay, hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL cũng nhiều hơn vùng miền khác. Nguyên nhân nào tạo nên khác biệt mang tính đặc thù giữa

hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL so với vùng khác? Lý giải vấn đề này chắc hẳn có nhiều kiến giải khác nhau. Ở đây, chúng tôi nhìn từ các khía cạnh sau: 1) lịch sử - văn hóa định cư của tộc người ở vùng đất; 2) điều kiện sống tự nhiên; 3) những giá trị văn hóa mới tạo nền cho hành động.

*Thứ nhất*, “lịch sử - văn hóa định cư của tộc người ở vùng đất”: Trong nhiều nghiên cứu về lịch sử văn hóa liên quan đến vùng Tây Nam Bộ đều thừa nhận rằng: “Nam Bộ là vùng đất của dân tứ xứ, con người không quen biết nhau, nhưng vì là đất mới, hoàn cảnh mới đầy khó khăn nên con người càng phải thương yêu đùm bọc nhau, càng có nhu cầu tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau tạo dựng cuộc sống, từ đó, ý thức đoàn kết, gắn kết cộng đồng vì lợi ích chung của xã hội nảy sinh. Tinh thần tương thân, tương ái, dám hy sinh vì nghĩa lớn được đề cao. Dần dần, chữ “nghĩa” được đặt lên hàng đầu trong cuộc sống” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2013, tr. 675). Thiết nghĩ, trong bối cảnh lịch sử khai phá, định cư vùng đất mới của những lưu dân “sức yếu, thể cô”, tinh thần tương trợ - “chữ nghĩa, chữ tình” là phản xạ tự nhiên trong tâm thức của chủ thể nếu muốn tồn tại. Khởi đầu, họ tương trợ nhau từ việc nhỏ như giúp đỡ từng chén cơm, manh áo, thuốc thang bệnh tật, rồi đến việc đại nghĩa như chống lại cướp bóc, thú dữ,... Trong quá trình định cư, tính cố kết cộng đồng hình thành bền chặt, tinh thần tương trợ ngày càng mãnh liệt, trở thành truyền thống văn hóa sinh tồn của lưu dân. Con người ở vùng đất mới xem hành động tương trợ trở thành “quy luật sống tất yếu” trong sự tồn tại của chính mình; giúp đỡ người khác tồn tại cũng chính là sự tồn tại

của chính mình trong không gian sống rộng mở, đầy nguy hiểm, từ đó hình thành một triết lý sống bình dị, truyền thống văn hóa của con người ĐBSCL. Chính vì triết lý sống - tinh thần tương trợ hình thành trong bối cảnh lịch sử xã hội như vậy, nên Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* đã đánh giá tinh thần nghĩa khí - tương trợ của người dân vùng đất Gia Định là (đây có lẽ là nhận định sớm nhất về tính nghĩa khí tương trợ của người dân ĐBSCL): “người đủ tính trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dẫu phụ nữ cũng thế” (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 180). Như vậy, tinh thần tương trợ xã hội của người dân vùng ĐBSCL được nuôi dưỡng từ truyền thống lịch sử - văn hóa vùng đất mới khai lập, con người vun bồi, kế thừa đến ngày nay. Ngược lại, ở miền Bắc và miền Trung, quá trình cộng cư làng xã lâu đời, khép kín, ổn định, con người quá “hiều rõ nhau”, tính cộng đồng tương trợ không còn là thứ “trách nhiệm ràng buộc” để con người tồn tại, lâu dần chuyển sang tinh thần “tự mình vươn lên” để tồn tại. Và, nếu có tinh thần trách nhiệm tương trợ thì có thể cũng chỉ diễn ra trong không gian làng xã khép kín, với “sức lực” hạn hẹp của con người trước sự chi phối của hoàn cảnh sống tự nhiên và xã hội, không phong phú như vùng ĐBSCL.

*Thứ hai*, “điều kiện sống tự nhiên”: môi trường tự nhiên của ĐBSCL thuận lợi hơn rất nhiều so với các vùng khác trên cả nước. Bên cạnh đó, thiên nhiên lại ban tặng cho vùng đất này sản vật dồi dào, điều kiện sản xuất và canh tác thuận lợi. Đây là cơ sở quan trọng hình thành tính cách trọng nghĩa tình, hào hiệp,... của người dân ĐBSCL mà nhiều vùng, miền khác mờ nhạt hoặc không có. Từ những

thập niên đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã nhận định: “Vùng Gia Định nước Việt ta rất rộng, thực vật phong phú, không lo đói rét, nên dân ít dự trữ, quen thói xa hoa” (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 179). Chính yếu tố môi trường sống tự nhiên thuận lợi, giàu sản vật, nên người dân ĐBSCL, một thời gian dài trong lịch sử không quá lo lắng, quan tâm nhiều đến sự đói khổ, nếu không muốn nói “tâm thức sống đói no hoàn toàn phó mặc vào tự nhiên trên cơm dưới cá”. Do vậy, người dân ĐBSCL không lo thiếu thốn, không coi trọng vật chất, chỉ coi trọng tinh thần, trách nhiệm của mình đối với xã hội - tiếp nối tinh thần tương trợ người khó khăn từ những ngày đầu ông cha đến đây khẩn hoang lập làng. Khi người dân có “của ăn của để”, thậm chí chỉ đủ ăn thì tinh thần tương trợ như một bản năng thôi thúc con người thực hiện. Ngược lại điều này, ở những vùng đất khác có hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt, điều kiện sản xuất không thuận lợi, đất hẹp người đông, đời sống con người trải qua vô vàn khó khăn, đói khổ, chết chóc do dịch bệnh, thiên tai,... trường kỳ lịch sử thì hẳn nhiên sẽ sinh ra tinh thần “phòng vệ” để sống. Do đó cho dù con người có muốn tương trợ (dù ít) cũng “lực bất tòng tâm”, lâu dần, trở thành một phần tính cách hằn sâu. Nói đến điều này, dựa trên cứ liệu điều kiện sống - môi trường tự nhiên khắc nghiệt tác động đến con người, Nguyễn Văn Chiến có những nhận định khá hợp lý về tính cách người miền Bắc và miền Trung như sau: đối với người miền Bắc có “lối sống phòng xa”: “Đây là thói quen hành xử “ăn hôm nay nghĩ tới ngày mai” của người miền Bắc. Thái độ này xuất phát từ một miền đất mà thiên nhiên khắc nghiệt, đe dọa cuộc sống

của con người, lại không hào phóng như vùng đồng bằng Nam Bộ; hơn nữa, Bắc Bộ là nơi định cư lâu đời, mọi thứ được khai thác khá triệt để, khiến cho người dân ở đây luôn phải đề phòng mọi việc bằng “tích cốc phòng cơ” (Nguyễn Văn Chiến, 2016, tr. 257); đối với người Trung Bộ: “Con người phải đối mặt quyết liệt với tất cả để giành lấy sự sống trong từng ngày, tháng, phút, giây; và thậm chí, trong những tình huống gang tấc sống còn; không chi li không được, không rạch ròi không xong, không rõ ràng không tới được đích” (Nguyễn Văn Chiến, 2016, tr. 273). Và, cách ăn uống của người miền Trung cũng vậy, cũng thuận theo cái lý riêng của thực tại đời sống mang tính cực đoan: ở xứ nóng lại ăn cay ghê gớm (“lấy độc trị độc”); ăn mặn đến “khùng khiếp”; chém, chặt thức ăn to đến “kinh hồn” (“chém to kho mặn”) là nguyên lý tiết kiệm và giản đơn...” (Nguyễn Văn Chiến, 2016, tr. 275). Ngược lại, đối với người dân ĐBSCL: “Khí hậu dễ chịu, đời sống dễ dàng nên con người ít phải lo toan, có điều kiện để có thể không quá coi trọng tiền tài, của cải vật chất mà sống với nhau chân thành, cởi mở, giản dị và hết lòng vì việc nghĩa” (Trần Ngọc Thêm chủ biên, 2013, tr. 678). Rõ ràng, môi trường sống, điều kiện sống, môi trường tự nhiên,... tác động không nhỏ đến nhận thức, tính cách, quan niệm sống của con người theo suốt chiều dài lịch sử bên cạnh nhiều nguyên nhân khác. Trường hợp tinh thần tương trợ xã hội của người dân vùng ĐBSCL nổi trội hơn so với nhiều vùng văn hóa khác cũng là hệ quả của quá trình tác động bởi điều kiện tự nhiên. Chính điều này mà các nhà nghiên cứu nhân học văn hóa khái quát thành lý thuyết “địa-văn hóa” (cultural geography).

*Thứ ba*, “những giá trị văn hóa mới tạo nền cho hành động”. Giải thích cho hiện tượng tương trợ xã hội mang tính đặc thù ở ĐBSCL liên quan khía cạnh này, chúng tôi nhận thấy, câu nói của nhà Xã hội học Raymond Aron rất hợp: “bất cứ một sự kiện xã hội nào cũng đều có nguyên nhân là một sự kiện xã hội khác, chứ không bao giờ xuất phát từ nguyên nhân tâm lý cá nhân” (Trần Hữu Quang, 2013, tr. 82). “Những giá trị văn hóa mới tạo nền cho hành động” tương trợ xã hội mang tính đặc thù ở ĐBSCL liên quan đến sự hình thành các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ. Đây được gọi là “một sự kiện xã hội khác” rất quan trọng, vì hai hiện tượng xã hội này có mối quan hệ mật thiết với nhau như mối quan hệ “nhân” và “quả”.

Nhiều người dân ĐBSCL theo tôn giáo nội sinh, trong đó, đông nhất là Phật giáo Hòa Hảo. Giáo lý và phương thức tu hành của các tôn giáo rất gần gũi, bình dân: “Tu Nhân - Học Phật”, trước tiên con người phải “Tu Nhân” rồi mới “Học Phật”, và muốn “Học Phật” thì phải “Tu Nhân”, chính mối quan hệ biện chứng này trong triết lý tôn giáo đã dẫn đường cho người dân-tín đồ các tôn giáo hành động mạnh mẽ vì xã hội. *Tu Nhân* thì phải ra tay giúp đời, đây cũng là tư tưởng trung tâm của các tôn giáo; giúp đời là giúp đỡ người khác, giúp đỡ xã hội, làm việc thiện, việc nghĩa đến quên mình, bởi “Giàu sang như nước trên nguồn/Gặp cơn mưa lớn nó tuôn một giờ” (Thi văn giáo lý Phật giáo Hòa Hảo)... Tư tưởng tôn giáo dẫn dắt hành động tôn giáo, nên người dân ĐBSCL (phần lớn là tín đồ tôn giáo nội sinh) đã kiên trì tinh thần phụng sự xã hội không biết mệt mỏi, mọi lúc, mọi nơi, không cầu lợi danh,... đúng như lẽ sống tôn giáo mà con người thụ nhận. Chúng tôi cho

rằng, đây là thành tố quan trọng nhất trong các thành tố hình thành nên tính đặc thù hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL. Bởi vì, trải qua hàng trăm năm, tinh thần tương trợ trong lịch sử mà “buổi đầu cộng cư khai phá vùng đất” có thể biến dịch; điều kiện sống, môi trường tự nhiên không còn dồi dào, thuận lợi nữa thì con người có thể “chi li” hơn trong cách sống để “lo cho mình”, cái còn lại cuối cùng là tinh thần tôn giáo trở thành niềm tin vững chắc nhất cho con người hành động tương trợ xã hội được bền vững. Thật vậy, có nhiều tín đồ tôn giáo dù gia cảnh khó khăn, nhưng tinh thần tương trợ của họ vẫn mãnh liệt, chúng tôi sẽ đề cập dưới đây.

Qua phân tích cho thấy, tính đặc thù hoạt động tương trợ xã hội ở ĐBSCL thể hiện qua ba cơ sở chính: *một là*, lịch sử - văn hóa của một vùng đất nơi con người sinh sống, tương trợ xã hội như một phản xạ lý tính, bắt buộc, là “nghĩa vụ” đối với cá nhân và cộng đồng; *hai là*, điều kiện sống tự nhiên thuận lợi “trên cơm dưới cá”, con người không lo nghĩ về thiếu thốn, khó khăn, được sự “nuôi dưỡng” của thiên nhiên, nên ra sức tương trợ người khác vô điều kiện; *ba là*, từ những giá trị văn hóa căn bản của tôn giáo, con người/ tín đồ hành động vì xã hội cũng là thực hành tôn giáo. Ba yếu tố này qua quá trình lịch sử xã hội đã tạo thành “chân đế” vững chắc kiến tạo các hoạt động tương trợ xã hội mang tính đặc thù của người dân ĐBSCL.

### **3. Hoạt động tương trợ xã hội kiến tạo hệ giá trị con người Việt Nam và đời sống kinh tế - xã hội**

Khi đề cập các hoạt động tương trợ xã hội kiến tạo hệ giá trị con người Việt Nam và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của

người dân ĐBSCL có khó khăn là do trên thực tế chúng ta khó bao quát hết được. Bởi vì, *thứ nhất*, quan niệm của chủ thể hoạt động cho rằng, những việc làm của họ rất nhỏ bé, không đáng đề ca ngợi, phô trương, họ chỉ âm thầm giúp đỡ con người và xã hội; *thứ hai*, hoạt động tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL diễn ra phổ biến, thường xuyên từ thể hệ này sang thể hệ khác,... Vì vậy, không thể có được một thống kê “tổng” các hoạt động đó. Ở đây, đề làm nổi bật hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam trong mối quan hệ với hoạt động tương trợ xã hội, chúng tôi chỉ điếm qua những con người, nhóm cộng đồng hoạt động tiêu biểu có sức lay động lòng người và lan tỏa mạnh mẽ, góp phần rất lớn vực dậy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở ĐBSCL.

Từ sau năm 1975, quá trình xây dựng và phát triển đất nước gặp nhiều khó khăn, ở mỗi vùng, miền khác nhau, sự khó khăn không đơn thuần ở khía cạnh đường lối, chính sách phát triển mà còn nằm ở tác động của môi trường tự nhiên. Trong bối cảnh đó, nếu chỉ trông chờ vào đường lối, chính sách và hành động của Đảng - Nhà nước thì chắc chắn, đất nước hay từng địa phương không thể phát triển được. Thực tế này cần có sự chung tay của từng người trong xã hội, mà những người dám dấn thân vì xã hội đã góp phần rất lớn kiến tạo cộng đồng, kiến tạo xã hội, đưa đời sống người dân địa phương phát triển. Đó là những người giàu tình nghĩa, nhân ái, hy sinh cho đời - những con người đã “tắm mình” trong hệ giá trị gia đình, hệ giá trị văn hóa của cộng đồng, “xây nền” làm bền vững hệ giá trị quốc gia như ngày nay. Những người thời kỳ đầu dấn thân vào hoạt động tương trợ xã hội ở vùng đất

An Giang phải kể đến đầu tiên là ông Trần Văn Soái, đã đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân xã Vĩnh Xương, huyện An Phú. Ông là nông dân, do chí thú làm ăn, khai khẩn đất hoang sản xuất nên gia đình khá giả, có 100 công đất (10 ha). Những năm đầu thế kỷ XXI, Vĩnh Xương là xã nghèo, vùng biên giới, đời sống người dân gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình cảnh đó, với diện tích 10 ha đất, ông sản xuất tạo ra nguồn thu, từ đó, hỗ trợ vật chất cho người dân bằng cả nghĩa tình, lòng đau đáu, yêu thương con người. Để ổn định đời sống lâu dài cho người dân trong xã và cũng nhằm tạo ra sức lan tỏa lao động - “người này giúp đỡ người khác”, ông Trần Văn Soái dành tất cả diện tích đất của gia đình chia sẻ cho người nghèo cùng sản xuất. Đặc biệt, người dân chỉ ra công sức lao động, còn vật tư sản xuất như giống lúa, phân bón, thuốc trừ sâu,... ông Trần Văn Soái đều lo cho họ. Gia đình nào nhận đất sản xuất của ông cho mượn, khi thu hoạch xong thì đóng góp vật chất tiếp tục hỗ trợ cho người khác. Với hình thức cho mượn đất và cho vật tư để gia đình nghèo sản xuất, sau vài năm, ông Trần Văn Soái đã giúp thoát nghèo cho hơn 60 hộ dân ở Vĩnh Xương. Mỗi gia đình sau thời gian sản xuất, tích lũy được tiền mua 05 công đất lúa để sản xuất. Đặc biệt, sau thời gian dài làm ruộng và tiền mà người dân đóng góp, ông Trần Văn Soái mua thêm 12 công đất xây dựng trường học cho con em trong xã Vĩnh Xương để có chỗ học tập, xóa nạn mù chữ. Ngoài ra, ông còn dành diện tích đất sản xuất xây dựng Nghĩa trang nhân dân để chôn cất người nghèo, dành dụm tiền làm công việc “đỡ đầu” cho nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường. Việc làm cao cả của ông Trần Văn Soái đã giúp nhiều học sinh,



sinh viên xã biên giới Vĩnh Xương nghèo khó được thành đạt (Quang Vinh, 2007).

Chưa thể thống kê tổng số kinh phí mà ông Trần Văn Soái cùng người dân thọ ơn đóng góp kinh phí tương trợ cho người nghèo trong xã Vĩnh Xương thời kỳ năm 2000 đến khi ông qua đời năm 2011. Nhưng qua nhiều việc làm của ông và di sản ông để lại, kinh phí lên đến gần trăm tỷ đồng. Tấm lòng nghĩa tình, hy sinh của ông Trần Văn Soái và người dân nơi đây là việc làm có ý nghĩa nhân văn cao cả, đóng góp rất lớn cho quá trình phát triển kinh tế-xã hội của xã Vĩnh Xương, huyện An Phú. Tiếp nối tinh thần và nghĩa cử tương trợ xã hội, tấm lòng nhân từ của ông Trần Văn Soái, những bằng hữu và con cháu của ông ngày nay tiếp tục thực hiện tương trợ xã hội. Với số tiền thu được từ 10 hécta đất và công trình thủy lợi nội đồng mà ông Trần Văn Soái để lại, cháu của ông đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương: tặng thực phẩm cho gia đình nghèo, đóng góp tiền xây nhà, xây cầu và đường giao thông nông thôn, hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo,... Qua hình tượng ông Trần Văn Soái - người kiến tạo giá trị con người, kiến tạo xã hội đã trở thành tấm gương về lẽ sống cho người dân Vĩnh Xương. Thật vậy, hiện nay, khi đến Vĩnh Xương, nhắc đến ông Trần Văn Soái thì rất nhiều người nói về ông bằng lời cảm ơn, sự ngưỡng mộ nhân cách sống của ông. Chính tính cách sống nghĩa tình, yêu thương con người của ông đã truyền cảm hứng, đặc biệt là một nhân cách cao cả cho cộng đồng. Những người thọ ơn ông tiếp nối tinh thần sống có tình có nghĩa, góp phần phát triển xã hội, đặc biệt là giá trị của nghĩa cử đó đã lan tỏa thành giá trị của cộng đồng, kiến tạo hệ giá trị con người Việt Nam ở vùng ĐBSCL.

Nếu chỉ lấy một ví dụ về ông Trần Văn Soái làm tính phổ quát thì chưa thuyết phục khi mình chứng cho hệ giá trị con người Việt Nam của người dân ĐBSCL, nhưng thông qua nhiều con số thống kê của cả cộng đồng tương trợ xã hội thì nó đã trở thành biểu tượng văn hóa của con người ở đây. Như chúng ta đều biết, người dân ĐBSCL phần lớn là tín đồ tôn giáo nội sinh, trong đó, nhiều nhất là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Cộng đồng tín đồ tôn giáo này luôn có tinh thần trách nhiệm phụng sự hết mình vì xã hội; chữ nghĩa, chữ tình trong từng người nông dân theo đạo luôn dâng cao trước hoàn cảnh xã hội ở ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung. Tinh thần tương trợ xã hội của người dân theo tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là một nét độc đáo, trở thành nguồn lực lớn làm nên hệ giá trị con người Việt Nam. Bởi vì, gia đình của họ luôn được nuôi dưỡng bởi những giá trị sống về tinh thần giúp đỡ, yêu thương con người dù gia cảnh còn nghèo. Theo thống kê của chính quyền địa phương và đoàn thể tỉnh An Giang: “Trong nhiệm kỳ 5 năm đầu tiên từ 1999 - 2004, tổng số tiền và vật chất quy đổi thành tiền bố thí và làm phước, các hoạt động xã hội cho người dân khắp nơi của người dân-tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là 22.342.267.729 đồng. Riêng năm 2003 đạt 13.647.130.000 đồng. Chỉ 5 tháng đầu nhiệm kỳ thứ 2 (2005 - 2010), các hoạt động xã hội đạt tổng trị giá: 12.098.399.000 đồng gồm các hoạt động sau: Xây nhà tình thương 695 cái; Nhà tình nghĩa 24 cái; Sửa chữa, cất mới 193 chiếc cầu; Nâng cấp đường nông thôn 191.947m...” (Phạm Bích Hợp, 2007, tr. 154 - 155). Trong nhiệm kỳ thứ 3 (2010 - 2015), các tổ chức từ thiện xã hội người dân theo đạo đã tham gia xây cất (thí công) hàng ngàn căn nhà đại đoàn kết, nhà tình

thương, nhà tình nghĩa, tổng trị giá hàng năm khoảng 50 tỷ đồng (...). Xây dựng hàng trăm cầu treo, cầu bê tông nông thôn; tu bồi rải cát lộ nông thôn, đường bê tông, lán nhựa,... tổng trị giá hàng năm trên chục tỷ đồng. Tổng trị giá sơ bộ một số lĩnh vực hoạt động góp phần ổn định an sinh xã hội trong nửa đầu nhiệm kỳ 2014 - 2019, người dân-tín đồ Phật giáo Hòa Hào đã mang lại phúc lợi cho cộng đồng trên một ngàn tỷ đồng” (Nguyễn Huy Diễm, 2017, tr. 378). Theo thống kê mới nhất, đóng góp của người nông dân - tín đồ Phật giáo Hòa Hào ở ĐBSCL rất lớn. Trong 5 năm (2014 - 2019), đã đóng góp cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng ĐBSCL với số tiền lên đến 2.000 tỷ đồng. Người dân - tín đồ khắp vùng ĐBSCL tạo ra nhiều cách làm nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động tương trợ xã hội, hiệu ứng cộng đồng xã hội rất tốt. Chẳng hạn như: vận động và đóng góp kinh phí, công sức xây cầu bê tông, cốt thép, bê tông hóa lộ nông thôn; tổ chức bếp ăn khuyến học, người nghèo ở các tỉnh,... góp phần vào xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng học tập của học sinh... (Chánh Trị, 2019). Tính riêng ở tỉnh An Giang, trong 6 tháng đầu năm 2023, người nông dân theo đạo đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hoạt động từ thiện xã hội với tổng số tiền trên 61 tỷ đồng: cất mới 79 căn nhà đại đoàn kết, 385 căn nhà tình thương, 06 cây cầu bê tông nông thôn, 05 cây cầu kềm, hỗ trợ gần 15.000 phần quà cho bà con nghèo vui xuân, đón Tết Quý Mão 2023, vận động trên 132 tấn gạo từ chương trình “Năm gạo tình thương” hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn (Tiến Lên, 2023),... Còn rất nhiều

hoạt động tương trợ xã hội khác của nông dân - tín đồ Phật giáo Hòa Hào ở ĐBSCL mà trong giới hạn của bài viết này chưa thể thống kê đầy đủ, nhưng có thể khẳng định, tinh thần giúp đỡ con người của người dân ĐBSCL, mà trong đó, các tín đồ tôn giáo là chủ thể đóng góp quan trọng cho quá trình xây dựng, phát triển vùng ĐBSCL đang còn nhiều khó khăn.

Trong giai đoạn tháng 11 năm 2020 đến tháng 5 năm 2023, chúng tôi thực hiện cuộc điền dã nghiên cứu cộng đồng người Việt ở xã Núi Tô và Lương An Trà (huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) và xã Bình Giang (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) - đã chứng kiến tinh thần tương trợ xã hội của từng người, gia đình và nhóm người nơi đây rất đặc biệt. Với tư cách là người nghiên cứu và cả tư cách một người dân bình thường, nhiều lúc chúng tôi tự đặt câu hỏi rằng: Vì sao người dân thực hiện được như vậy trong khi gia đình họ khó khăn, thậm chí rất khó khăn? Điều gì thôi thúc từng gia đình thực hiện bằng cả tinh thần, trách nhiệm và sự đồng cảm sâu sắc với người nghèo? Chúng tôi nhận được câu trả lời rằng: “Nhà mình có ăn thì cũng mong muốn người nghèo cũng có ăn, chứ thấy người ta nghèo mà mình ăn no, mặc ấm cũng không đành”. Hay lý do khác là: “Thấy ông bà, cha mẹ mình làm phước cho người ta thì mình làm theo như vậy thôi”... Những câu trả lời đơn giản, chất phác đó tiềm ẩn cả hệ giá trị con người Việt Nam, những giá trị đó đã được hiện thực hóa, giúp ích cho xã hội. Nhờ hệ giá trị - hành động đó mà giải quyết được vấn đề xóa đói, giảm nghèo cho người dân, giảm bớt gánh nặng đối với nhà nước.

Một số hộ gia đình người Việt ở xã Núi Tô và xã Lương Phi của huyện Tri Tôn,

tỉnh An Giang có phong tục tổ chức lễ cúng gia đình và cộng đồng. Trong các ngày lễ cúng, họ bố thí cho người nghèo với số lượng vật phẩm lớn như vài tấn gạo, vài ngàn thùng mì,... Số tiền mà nhóm cộng đồng quyên góp trong mỗi lần cấp phát vật phẩm cho người nghèo không dưới 200 triệu đồng. Hoạt động này đã diễn ra từ hơn 40 năm nay. Nông dân ở xã Bình Giang (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) cũng giống như vậy, mỗi dịp lễ cúng trong gia đình, cộng đồng, người dân dành khoảng hơn 200 triệu đồng để mua gạo, muối, đường, bánh,... phân phát cho người nghèo trong xã. Hoạt động này cũng được duy trì hơn 30 năm nay. Đặc biệt, ở xã Bình Giang, nông dân trẻ Phạm M. H. (23 tuổi) rất tích cực cho các hoạt động tương trợ xã hội; chỉ tính riêng năm 2023 (đến thời điểm hiện tại) anh nông dân này đã vận động hơn 200 triệu đồng mua quà hỗ trợ người nghèo, ủng hộ tiền cho người bệnh, người bị tai nạn... Với tinh thần tình làng, nghĩa xóm “làm theo ông nội đã làm trước đây”, anh Phạm M. H. truyền lửa cho các thanh niên trong xã cùng nhau thực hiện tương trợ xã hội. Khi chúng tôi hỏi: Vì sao anh lại tích cực hoạt động ủng hộ người nghèo? Anh trả lời rằng: ông nội em trước đây cũng làm từ thiện mạnh lắm. Ông nội dạy phải giúp người khó khăn khi mình có thể làm được việc. Em làm theo ông nội đã làm trước đây. Em mong là ai còn ủng hộ việc em làm thì em vẫn tiếp tục làm mãi”. Những hoạt động tương trợ xã hội của nhóm nông dân và anh Phạm M. H., đã cho thấy, giá trị gia đình trở thành đường dẫn để cá nhân, cộng đồng hành động giúp ích cho xã hội, đúc tụ thành giá trị cộng đồng và hệ giá trị quốc gia. Đôi khi, dưới góc độ khoa học cũng không thể lý giải tận cùng

tính cách, hành động đó của người dân. Nhưng điều có thể khẳng định là, hành động tương trợ xã hội của cộng đồng người Việt xã Núi Tô, xã Lương An Trà (Tri Tôn, An Giang), xã Bình Giang (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) là cụ thể hóa của hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị đó được hình thành từ hệ giá trị gia đình, giá trị văn hóa của cộng đồng.

Nhiều tấm gương sáng hiện thực hóa hệ giá trị con người Việt Nam ở ĐBSCL, dù họ tuổi cao, sức yếu nhưng vẫn duy trì giá trị đạo đức gia đình, lý tưởng phụng sự xã hội. Trường hợp ông Nguyễn Văn Bé Hai (67 tuổi, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, Đồng Tháp), người được xem là “tượng đài” xây cầu tình nghĩa ở vùng ĐBSCL. Ông Nguyễn Văn Bé Hai sinh ra trong gia đình nghèo, khi cuộc sống khá giả, ông bắt đầu “trả nợ đời” bằng lòng chân thành, tình nghĩa mà không ngôn từ nào có thể diễn tả hết sự chất phác, giàu lòng thương người của ông. Ông cho biết, năm 2000, trận lũ lịch sử đã tàn phá nhiều nhà cửa, đường xá ở Đồng Tháp, cuốn trôi gần như mọi thứ. Không có cầu, giao thương cách trở khiến cho cuộc sống khó khăn, thấy người dân cơ cực, đi lại khó khăn, ông tham gia sửa chữa lại cầu cây cho người dân đi bằng cách: “Bán lúa được 50 triệu đồng thì tôi trích ra 10 triệu để mua cây gỗ sửa cầu cho mọi người đi. Cầu ván làm được ít năm là hư hỏng” (Hoài Thanh, 2023). Từ đó, ông dần thân vào việc xây cất cầu giao thông nông thôn. Với sự tận tụy, trách nhiệm vì xã hội, ông thu phục được những người bạn của ông vào *Đội Cắt cầu từ thiện* và tồn tại hơn 20 năm nay. Thời kỳ đầu, việc làm của ông không ít người cho là “điên”: “Khi đem ý định vận động xây cầu miễn

phí, có người bảo tôi điên. Họ nói tôi nông dân, biết xây dựng cầu đâu mà đi vận động tiền xây cầu. Nghe vậy, tôi chỉ cười rồi mời họ đến xem những cây cầu trước đó tôi làm. Xem xong họ cười rồi đồng ý ủng hộ” (Hoài Thanh, 2023). Bên cạnh vận động quyên góp từ người dân, ông Nguyễn Văn Bé Hai còn ủng hộ với số tiền vài tỷ đồng. Đến nay, ông Hai đã vận động và đóng góp được khoảng 30 tỷ đồng để xây dựng được 267 cây cầu ở nhiều tỉnh như: Đồng Tháp, Cà Mau, Bạc Liêu,... Ngoài việc xây cầu, “kết nối đôi bờ” cho người dân đi lại, kết nối sự phát triển xã hội, ông Nguyễn Văn Bé Hai cùng các mạnh thường quân tổ chức đưa hơn 10.000 bệnh nhân nghèo mổ mắt miễn phí ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ông vận động và tự đóng góp hàng tỷ đồng vào 5 bếp ăn từ thiện ở 5 bệnh viện tại Đồng Tháp, Tiền Giang trong nhiều năm qua. Những hoạt động đó không vì danh, không vì vật chất, chỉ vì một lẽ sống duy nhất - vì đời: “Tôi vui nhất là không chỉ xây nhịp cầu ngoài đời thực, mà còn kết nối những tấm lòng mạnh thường quân lại với nhau thành “nhịp cầu thiện nguyện” để giúp đời” (Hoài Thanh, 2023).

Cùng ở Đồng Tháp, lão nông Phan Văn Năm tuy 75 tuổi nhưng là đội trưởng *Đội thi công cầu đường thiện nguyện* của xã Long Thắng (huyện Lai Vung) - đã sống và hành động bằng tâm thế giúp đời từ sự thấu hiểu giữa hoàn cảnh của ông với những phận đời nghèo. Đây là những lời tâm sự gan ruột của ông: “Sinh ra trong một gia đình có hoàn cảnh khó khăn, từ nhỏ đã phải bươn chải nhiều nghề kiếm sống. Khi gia đình có “dư chút đỉnh”, tôi thấy mình phải làm gì có ích cho xã hội. Ngày trước, quê mình kinh mương nhiều,

đi lại cách trở lắm. Muốn đi đâu phải đi bằng ghe, xuồng, nhất là vào mùa mưa, nhìn cảnh học sinh đến trường bị trượt chân té, lấm lem quần áo, thấy mà chạnh lòng. Từ đó, tôi cùng các anh em ở địa phương bàn bạc, góp công sức xây dựng cầu cho bà con đi lại” (Khánh Phan, 2023). Với suy nghĩ đồng cảm sâu sắc và truyền thống văn hóa gia đình, hoạt động tương trợ xã hội của ông được nhiều người trong và ngoài xã ủng hộ. Hơn 13 năm qua, ông Năm cùng “đồng đội” đã xây dựng hơn 90 cây cầu bê-tông kiên cố và sửa chữa 2km đường nông thôn. Ông không chỉ xây nhà, xây cầu, làm đường miễn phí mà còn ủng hộ, vận động người dân mua xe cứu thương, hỗ trợ người khó khăn,... Ước mơ đơn giản của ông trong cuộc sống chỉ là: “Tôi không quan tâm đến việc mình đã đóng góp bao nhiêu công sức, mà ghi ơn sâu sắc sự đóng góp của những người đồng hành cùng mình làm những điều ý nghĩa. Tôi mong ước luôn thật nhiều sức khỏe để tiếp tục cống hiến cho việc làm từ thiện” (Khánh Phan, 2023).

Cũng bởi sự đồng cảm trước những khó khăn, thiếu thốn của người dân và xã hội mà ông Ba Đạt (Lê Văn Cư, 54 tuổi, quê An Giang) trở thành tấm gương đáng kính phục, thể hiện rõ tính cách nghĩa tình như nhiều “tượng đài nhân nghĩa” khác ở ĐBSCL. Ông Ba Đạt xuất thân là nông dân nghèo. Chính cái nghèo, cái khổ đã làm ông thấu cảm với hoàn cảnh từng người và hoàn cảnh của xã hội ở ĐBSCL, từ đó thôi thúc ông hành động tương trợ xã hội không biết mệt mỏi: “Ngày đó tôi khổ, giờ có ăn nên muốn chia sẻ lại, chia sẻ cả tinh thần, vốn liếng. Tôi không bon chen nữa nên rút lui dễ lắm. Tiền của nhà tài trợ thì phải tính toán sao cho tiết kiệm

nhất có thể, vừa giúp được nhà tài trợ, vừa giúp được bà con địa phương” (Vũ Phương, 2022). Và, từng trải qua những ngày tháng phải lấy cây chuối làm cầu để đi qua rạch, té ướt như chuột, ông càng thấu hiểu ước mong có cầu của bà con miền Tây. Do đó, với chiếc xe Cub cũ kĩ, ông Ba Đạt len lỏi từ Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh, Vĩnh Long... để khảo sát và thi công cầu bất kể mưa nắng. Đến nay, ông đã xây gần 100 cây cầu nông thôn ở các tỉnh miền Tây mà không lấy một đồng tiền công (Vũ Phương, 2022). Người dân miền Tây gọi ông là “Bồ tát sống”.

Một vị “Bồ tát” khác nổi tiếng ở tỉnh Sóc Trăng là ông Lâm Văn Phấn, dù tuổi đã hơn 60 nhưng ông vẫn miệt mài, không quản cực khổ, thực hiện các hoạt động tương trợ xã hội, kiến tạo cộng đồng bằng chữ tình, chữ nghĩa: “Bà con xung quanh còn nghèo, mình có của ăn, của để hơn người thì giúp họ để tích đức cho con cháu sau này”. Từ ý nghĩ giàu lòng nhân ái, ông Phấn đã đóng góp và vận động hơn 2.2 tỷ đồng xây mới và sửa chữa 6 cây cầu giao thông nông thôn, 4 tuyến đường giao thông nông thôn; xây 2 căn nhà nghỉ mát giữa ruộng làm nơi cho bà con trú nắng mưa, nghỉ trưa khi đi làm đồng. Đặc biệt, ông còn vận động, giúp đỡ thường xuyên cho hàng trăm người với số gạo 30kg/người/tháng (tổng giá trị đến thời điểm này là hàng tỷ đồng). Sở dĩ ông Lâm Văn Phấn hoạt động bền bỉ, liên tục như vậy là vì: “Gia đình tôi từng khó khăn nên thấm thía được cái nghèo khổ. Giờ thì tôi cũng đâu giàu có gì, nhưng nhiều người khổ hơn mình nên giúp được gì thì giúp” (Hoài Thanh, 2022).

Những “tượng đài nhân nghĩa” về nhân cách đạo đức - những người hiện thực hóa hệ giá trị con người Việt Nam như chúng

tôi đề cập chỉ là điển hình. Còn rất nhiều người nông dân hoạt động tương trợ xã hội mạnh mẽ hơn, quy mô hơn, bền bỉ hơn ở ĐBSCL. Nhiều “tượng đài” ở ĐBSCL có cách thức hoạt động tương trợ xã hội khác nhau, nhưng chung quy là đều xuất phát từ tâm, từ nền giáo dục gia đình và nối tiếp những giá trị của cộng đồng,... - từ những người đầu tiên truyền dẫn.

Như chúng tôi đề cập ở trên, hệ giá trị con người Việt Nam được xây dựng trên “bậc thềm” và nền tảng cụ thể, trong đó, đầu tiên là giá trị gia đình, giá trị cộng đồng rồi thành giá trị quốc gia-dân tộc. Giữa yếu tố phụ thuộc và giá trị bao hàm này đều phải được thể hiện bằng hành động của con người trong xã hội. Nói khác hơn, đúc kết và đánh giá hệ giá trị quốc gia-dân tộc không phải là hệ thống lý luận hàn lâm phi hiện thực, mà phải được xác lập trên nền tảng của hiện thực xã hội nhìn từ nhiều chiều kích. Và khi đúc kết, xác lập được hệ giá trị rồi thì cần thiết hiện thực hóa - hành động hóa hệ giá trị đó vào đời sống, phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước, nếu không có điều đó thì hệ giá trị vẫn chưa thể hiện hết “giá trị” của nó đối với quốc gia - dân tộc. Trên cơ sở đó, nhìn lại hiện tượng tương trợ xã hội của người dân ĐBSCL mang tính phổ quát là biểu hiện của hai chiều kích rất rõ ràng. Trước tiên là chiều kích về mặt lý luận, hoạt động này góp phần quan trọng cho sự khái quát hóa hiện thực thành những quan điểm về hệ giá trị con người Việt Nam, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị quốc gia - dân tộc được vững chắc, có cơ sở khoa học và thực tiễn, sinh động hơn. Chiều kích thứ hai là mặt thực tiễn, trên cơ sở các hệ giá trị đó, người dân ĐBSCL đã hành động hóa, đóng góp rất lớn vào

quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở ĐBSCL từ năm 1975 đến nay. Thực tế cho thấy, trong điều kiện khó khăn chung, nếu mọi thứ chỉ trông chờ vào đầu tư của Đảng, Nhà nước thì ĐBSCL không thể phát triển mạnh mẽ, ổn định như ngày hôm nay. Do đó, sự phát triển của ĐBSCL có sự góp công sức rất lớn của người dân ĐBSCL thông qua các hoạt động tương trợ xã hội - đó là sản phẩm của hệ giá trị gia đình, giá trị con người Việt Nam.

### Kết luận

Hệ giá trị con người Việt Nam được xây dựng trên nền tảng vững chắc giá trị gia đình, giá trị văn hóa cộng đồng,... Nhìn từ lý luận đến thực tiễn, các hệ giá trị này không thể tách biệt nhau mà tồn tại “trong nhau” và “thuộc về” nhau, là một khối thống nhất.

Hệ giá trị con người Việt Nam được thể hiện sâu đậm, nổi bật ở vùng ĐBSCL. Từng cá nhân, gia đình, nhóm người,... tồn tại những giá trị, chuẩn mực và có sự kế thừa, trao truyền và hiện thực hóa nó vào trong đời sống, tạo nguồn lực rất lớn cho sự phát triển của ĐBSCL. Điều này, thể hiện qua các hoạt động tương trợ xã hội mạnh mẽ, phổ quát, trở thành biểu tượng tính cách con người ở vùng đất này - khi các nhà nghiên cứu hay người dân ở vùng khác nói về người miền Tây Nam Bộ.

Mỗi cá nhân, nhóm cộng đồng có những hoạt động tương trợ xã hội khác nhau, việc nhỏ hay lớn, ở từng thời điểm hay lâu dài, ít hay nhiều vật chất,... nhưng có một điểm chung nhất, đó là các nghĩa cử/ hành động đó xuất phát từ giá trị gia đình, kế thừa giá trị của con người nổi bật trong cộng đồng mà người đó ảnh hưởng. Điểm chung còn thể hiện ở chỗ, hành

động có sự thấu cảm đối với những thân phận nghèo khổ và nỗi đau đáu của con người trước khó khăn của xã hội - nó đã trở thành “sức mạnh nội sinh” của cá nhân, cộng đồng.

Những cá nhân, nhóm cộng đồng điển hình mà chúng tôi đã đề cập là “thực thể sinh động” thực hành, lan tỏa hệ giá trị con người Việt Nam trong cộng đồng, truyền qua nhiều thế hệ để cùng hành động cho mục tiêu phát triển của ĐBSCL; qua đó còn trực tiếp vun đắp hệ giá trị gia đình bền vững, hệ giá trị văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc được thống nhất, hệ giá trị con người Việt Nam được hiện thực hóa và trường tồn./.

V.V.T - N.T.H

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Chiến (2016), *Tính cách người Việt (Nghiên cứu Nhân học văn hóa)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Nguyễn Huy Diễm (2017), “Nhận dạng và xác định trách nhiệm của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đối với xã hội hiện nay”. Trong sách: Nhiều tác giả. (2017). *Phật giáo Hòa Hảo một tôn giáo cận nhân tình trong lòng dân tộc*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trịnh Hoài Đức (2005). *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch; Huỳnh Văn Tới hiệu đính), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
4. Phạm Minh Hạc và Thái Duy Tuyên (Chủ biên) (2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Trung Hiếu, *Tư liệu điển dã năm 2020 - 2023*.
6. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa (Bửu Sơn Kỳ Hương - Cao Đài - Hòa Hảo)*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.

7. Tiến Lên (2023). “Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tỉnh An Giang thực hiện hoạt động từ thiện, xã hội trên 61 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2023”. Truy cập từ: <http://tuyengiaoangiang.vn> (truy cập ngày: 9-11-2023).

8. Sơn Nam (2005), *Nói về miền Nam - Cá tính miền Nam - Thuần phong mỹ tục Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Nghị định số: 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ về “Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”, ban hành ngày 15 tháng 3 năm 2021.

10. Nguyễn Trọng Nghĩa (2022). “Xây dựng hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”. Truy cập từ: <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/xay-dung-he-gia-tri-va-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam/xay-dung-he-gia-tri-quo-gia-van-hoa-gia-dinh-va-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam-142206> (truy cập ngày: 8-11-2023).

11. Khánh Phan (2023), “Chuyện về ông Năm mê làm từ thiện”. Truy cập từ: <https://baodongthap.vn/xa-hoi/chuyen-ve-ong-nam-me-lam-tu-thien-112002.aspx> (ngày truy cập: 09-11-2023).

12. Vũ Phương (2022), “Anh Ba Đạt miền Tây xây trăm cầu từ thiện”. Truy cập từ: <https://thanhnien.vn/anh-ba-dat-mien-tay-xay-tram-cau-tu-thien-1851505163.htm> (truy cập ngày: 14-11-2023).

13. Trần Hữu Quang (2013), “Émile Durkheim và các quy tắc của phương pháp Xã hội học”. Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 1 (173).

14. Hoài Thanh (2022), “Tỳ phú miền Tây thích ngu chơi lá, mê làm từ thiện”. Truy cập từ: <https://vietnamnet.vn/ty-phu-mien-tay-thich-ngu-choi-la-me-lam-tu-thien-2058300.html> (truy cập ngày: 14-11-2023).

15. Hoài Thanh (2023), “Lão nông vươn lên thoát nghèo, vận động được 30 tỷ đồng xây cầu ở miền Tây”. Truy cập từ: <https://vietnamnet.vn/lao-nong-van-dong-duoc-30-ty-dong-xay-cau-giup-nguoi-ngheo-khaph-mien-tay-2181695.html> (ngày truy cập: 09-11-2023).

16. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên). (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.

17. Trần Ngọc Thêm (2021), *Hệ giá trị Việt Nam: Từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

18. Chánh Trị (2019), “Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo lần thứ V, nhiệm kỳ 2019-2024”. Truy cập từ: <https://pghh.org.vn/news/?ID=1924&CatID=63> (truy cập ngày: 8-11-2023).

19. Văn kiện đại hội XI của Đảng, phần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, bản Word. Truy cập từ: <https://baochinhphu.vn/toan-van-cac-van-kien-dai-hoi-xi-cua-dang-10267243.htm> (truy cập ngày: 8-11-2023).

20. Quang Vinh (2007), “Ông làm thuê xóa nghèo”. Truy cập từ: <https://tuoitre.vn/ong-lam-thue-xoa-ngheo-218729.htm> (truy cập ngày: 11-11-2023).

**Võ Văn Thắng - Nguyễn Trung Hiếu: *The Vietnamese human value system: viewed from social support activities of the people in the Mekong River Delta***

Social support greatly contributes to the development of a community and society. It is more urgent for an undeveloped country where people face difficulties in their life due to wars, epidemics, etc. Social support plays an important role in mobilizing resources for development and stabilizing the material and spiritual lives of the people in the Mekong River Delta in its history. In addition, social support prominently demonstrate the human value system in the Mekong River Delta in the process of building and developing this land in particular and the country in general. Considering its importance, the authors studied the Vietnamese human value system expressed through social support as a unique culture characteristics of the people in the Mekong River Delta.

**Keywords:** Vietnamese people, Mekong River Delta, value system, social support..